

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN Y
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-4-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN Y, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lượng;

2. Bà Lê Thị Hồng Gấm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Y, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Y tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Y tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- NgY đơn: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 1, khu phố B, phường T, thị xã U, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Tổ 18, khu phố 1B, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Có mặt

- Bị đơn: Ông Hồ Duy H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 6, khu phố Ba Đình, phường Thái Hòa, thị xã Tân Y, tỉnh Bình Dương; Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 12 năm 2020; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ngY đơn – bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H1 tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01/2003, ngày 30-12-2002 tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) T, thị xã U, tỉnh B. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường hay xảy ra

mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Ông H1 thường xY uống rượu, không lo việc gia đình. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó, bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H1.

+ *Về con chung*: Có ba con chung tên Hồ Thị Ngọc T, sinh ngày 01-02-2002, Hồ Thị Tú Y, sinh ngày 21-9-2004, Hồ Duy B, sinh ngày 25-11-2013. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung là Hồ Thị Tú Y và Hồ Duy B. Cháu Hồ Thị Ngọc T đã tHnh niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con*: Yêu cầu ông Hồ Duy H1 cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 3.000.000 đồng/tháng.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện như sau:

- *Về con chung*: Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hồ Duy B và giao cháu Hồ Thị Tú Y cho ông H1 nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 3 năm 2021 - ông Hồ Duy H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H1 không còn chung sống với nhau đã 06 năm, do đó, bà H yêu cầu ly hôn thì ông H1 cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có ba con chung tên Hồ Thị Ngọc T, sinh ngày 01-02-2002, Hồ Thị Tú Y, sinh ngày 21-9-2004, Hồ Duy B, sinh ngày 25-11-2013. Cháu Ngọc T đã tHnh niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Tú Y có nguyện vọng sống cùng với ông H1 thì ông H1 sẽ nuôi dưỡng cháu Y, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Nếu cháu Duy B có nguyện vọng sống cùng với ông H1 thì ông H1 sẽ nuôi dưỡng, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Nếu bà H nuôi dưỡng cháu Y và cháu B thì ông H1 đồng ý giao hai con cho bà H nuôi dưỡng nhưng ông H1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Y tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến Hnh tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp Hnh đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngY đơn bà Trần Thị Ngọc H, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Hồ Duy H1.

+ Về con chung: Tại phiên tòa, bà H yêu cầu được nuôi cháu B và giao cháu Y cho ông H1 nuôi dưỡng, yêu cầu này phù hợp với ý kiến của ông H1 tại Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 3 năm 2021 nên nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Tại phiên tòa, bà H rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của bà H.

+ Vấn đề tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về sự vắng mặt của bị đơn - ông Hồ Duy H1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Hồ Duy H1 chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01/2003, ngày 30-12-2002 tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) T, thị xã U, tỉnh B. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà H yêu cầu ly hôn với ông H1 do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau. Ông H1 cũng đồng ý ly hôn vì ông H1, bà H không còn chung sống với nhau đã sáu năm nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của ngY đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hồ Duy B, sinh ngày 25-11-2013, giao cháu Hồ Thị Tú Y, sinh ngày 21-9-2004 cho ông H1 nuôi dưỡng. Yêu cầu trên của bà H phù hợp với ý chí của ông H1 tại Biên bản lấy lời

khai ngày 12 tháng 3 năm 2021. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trên của bà H.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, bà H rút yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc H pH1 nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92, khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TY xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H về việc yêu cầu ông Hồ Duy H1 cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngY đơn bà Trần Thị Ngọc H về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Hồ Duy H1.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Hồ Duy H1.

2.2. Về con chung: Giao con chung Hồ Duy B, sinh ngày 25-11-2013 cho bà Trần Thị Ngọc H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Hồ Thị Tú Y, sinh ngày 21-9-2004 cho ông Hồ Duy H1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai pH1 cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Ngọc H và ông Hồ Duy H1 đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa tHnh niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

2.3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc H pH1 nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0052180 ngày 13-01-2021 của Chi cục Thi Hnh án dân sự thị xã Tân Y, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: NgY đơn có mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tY án. Bị đơnvắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Y (01);
- THADS thị xã Tân Y (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Mỹ Trúc